|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ngày dạy* | *Lớp 6B: …………………….* |
|  |  | *……………………* |
|  |  | *……………………* |

**BÀI 7: THẾ GIỚI CỔ TÍCH**

**Tiết 76-77-78**

**THẠCH SANH**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

**-** Chủ đề bài học: Thế giới cổ tích

- Tri thức Ngữ văn: Truyện cổ tích, một số yếu tố của truyện cổ tích.

- Một số yếu tố của truyện cổ tích được thể hiện trong văn bản “Thạch sanh”:

- Truyện cổ tích về dũng sĩ diệt trăn tinh, đại bàng cứu người...

- Thấy được ước mơ, niềm tin của nhân dân về công lý xã hội, sự chiến thắng cuối cùng của những con người chính nghĩa lương thiện.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết chủ đề của bài học: Thế giới cổ tích

+ Nhận biết cổ tích và một số yếu tố của cổ tích.

+ Xác định được chủ đề của truyện.

+ Nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng thể loại truyện cổ tích: các kiểu nhân vật, các yếu tố kì ảo như con vật kì ảo, lời kể chuyện…trong truyện “ Thạch Sanh”.

+ Nhận xét, đánh giá về bài học đạo đức và ước mơ cuộc sống mà tác giả dân gian gửi gắm trong truyện “ Thạch Sanh”.

**3. Về phẩm chất:** Sống vị tha, yêu thương con người, trung thực, khiêm tốn.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, KHBD, máy tính.

**2. Học sinh:** SGK, đọc và chuẩn bị trước nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình; xác định chủ đề bài học.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng PPDH nêu vấn đề, hướng HS đến nhiệm vụ của bài học.

- HS quan sát hình ảnh, đoán tác phẩm.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Gv tổ chức cuộc thi "Thử tài đoán tranh". Có 6 bức tranh tương ứng với 6 câu chuyện:

 

 

*+ Em hãy đoán tên câu chuyện dựa vào các hình ảnh?*

*+ Chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của em về những câu chuyện đó?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe, dự kiến câu trả lời.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Hs liệt kê được các câu chuyện và chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc cá nhân

+ Tấm Cám

+ Cây tre trăm đốt

+ Sự tích cây vú sữa

+ Cây khế

+ Thạch Sanh

+ Sọ Dừa

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Giới thiệu bài học và tri thức Ngữ văn**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết chủ đề của bài học: Thế giới cổ tích

- Nhận biết cổ tích và một số yếu tố của cổ tích.

**b. Nội dung:** GV sử PP dạy học khám phá để hướng dẫn HS tìm hiểu chủ đề của bài học và tri thức Ngữ văn.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - Gv yêu cầu học sinh đọc câu thơ đề từ và đoạn giới thiệu bài học và hỏi:  *+ Chủ đề của bài học là gì?*  *+ Theo em hiện nay, truyện cổ tích có còn giá trị, sức hấp dẫn nữa không?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc SGK tìm câu trả lời.  - GV quan sát, định hướng.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm cá nhân.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **\* Giới thiệu bài học**  - Chủ đề: Thế giới cổ tích  - Ngày nay, TCT vẫn còn nguyên vẹn giá trị, đó là những câu chuyện hấp dẫn, kì diệu, mở ra một thế giới bí ẩn, kì lạ đặc biệt là có những bài học vô cùng sâu sắc… |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc phần tri thức Ngữ văn ( SGK/25), xác định:  *+ Đề tài*  *+ Nhân vật*  *+ Lời kể*  *+ Chi tiết, sự việc*  *+ Trình tự kể*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS khai thác SGK, nắm kiến thức theo gợi ý.  .**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Cá nhân HS trình bày kết quả.  - Lớp nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **\* Tri thức Ngữ văn:**  **- Truyện cổ tích:** là loại truyện dân gian có nhiều yếu tố hư cấu, kì ảo, kể về số phận và cuộc đời của các nhân vật trong những mối quan hệ xã hội. Truyện cồ tích thể hiện cái nhìn về hiện thực, bộc lộ quan niệm đạo đức, lẽ công bằng và ước mơ về một cuộc sống tốt đẹp hơn của người lao động xưa.  **- Một số yếu tố của truyện cổ tích**  + Truyện cổ tích thường kể về những xung đột trong gia đình, xã hội, phản ánh số phận của các cá nhân và thể hiện ước mơ đồi thay số phận của chính họ.  + Nhân vật trong truyện cổ tích đại diện cho các kiểu người khác nhau trong xã hội, thường được chia làm hai tuyến: chính diện (tốt, thiện) và phản diện (xấu, ác).  + Các chi tiết, sự việc thường có tỉnh chất hoang đường, kì ảo.  + Truyện được kể theo trật tự thời gian tuyến tính, thể hiện rõ quan hệ nhân quả giữa các sự kiện.  + Lời kể trong truyện cồ tích thường mở đầu bằng những từ ngữ chỉ không gian, thời gian không xác định. Tuỳ thuộc vào bối cảnh, người kể chuyện có thể thay đổi một số chi tiết trong lời kể, tạo ra nhiều bản kể khác nhau ở cùng một cốt truyện. |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm 4 bàn.  *+ Hãy tóm tắt và xác định nhân vật chính của một truyện cổ tích.*  *+ Chỉ ra yếu tố hoang đường, kì ảo trong các truyện đã học.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS chọn một truyện cổ tích bất kì, thảo luận bàn, ghi lại kết quả.  - GV quan sát, định hướng.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá. |  |

**Hoạt động 2: Đọc- hiểu văn bản “ Thạch Sanh”**

**a. Mục tiêu**:

- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng thể loại truyện cổ tích: các kiểu nhân vật, các yếu tố kì ảo như con vật kì ảo, lời kể chuyện…trong truyện

*“ Thạch Sanh”.*

- Nhận xét, đánh giá về bài học đạo đức và ước mơ cuộc sống mà tác giả dân gian gửi gắm trong truyện *“ Thạch Sanh”.*

*-* Sống vị tha, yêu thương con người, trung thực, khiêm tốn.

**b. Nội dung**:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT dạy học hợp tác, hướng dẫn HS đọc- khám phá văn bản.

- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm**: Sản phẩm thảo luận và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Nhiệm vụ 1:** HDHS đọc- tìm hiểu chung  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV HDHS:  *+ Đọc to, rõ ràng, nhấn mạnh những chiến công của Thạch Sanh. Thể hiện giọng của từng nhân vật: Thạch Sanh thật thà, tin người; mẹ con Lí Thông nham hiểm, độc ác.*  *+ Giải nghĩa những từ khó*  *+ Truyện Thạch Sanh có những nhân vật nào? Nhân vật nào là chính? Vì sao em xác định như vậy?*  *+ Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy?*  + Nhìn tranh và xác định các sự việc chính liên quan đến nhân vật Thạch Sanh, sau đó tóm tắt truyện bằng một đoạn văn từ 5-7 câu.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe, tiến hành thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV đọc mẫu một đoạn, sau đó gọi HS đọc, giải nghĩa từ khó.  - HS khác theo dõi, hình dung theo hộp chỉ dẫn, tìm hiểu các chú thích, khai thác SGK, quan sát màn hình, trình bày kết quả.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, điều chỉnh cách đọc cho HS, chốt nội dung trên màn hình. | **I. Đọc- tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  **2. Chú thích**  - Tứ cố vô thân  - Trăn tinh  - Thủy phủ  - Sinh nhai  - Nước chư hầu  - Động binh  - Thân chinh  **3. Tóm tắt cốt truyện**  - Nhân vật:  + Nhân vật chính: Thạch Sanh  + Nhân vật phụ: Mẹ con Lí Thông, vua, công chúa…  - Ngôi kể: ngôi thứ ba  - Tóm tắt: Thạch Sanh vốn là thái tử, được Ngọc hoàng phái xuống làm con của vợ chồng người nông dân nghèo. Cha mẹ mất sớm, chàng sống lủi thủi dưới gốc cây đa. Bị Lí Thông lợi dụng, chàng đã dũng cảm diệt chằn tinh, rồi diệt đại bàng cứu công chúa nhưng rồi đều bị Lí Thông cướp công. Hồn chằn tinh và hồn đại bàng vu oan, Thạch Sanh bị vào ngục. Nhờ cứu con vua Thủy Tề trước đó, chàng có cây đàn đem ra  gảy, được giải oan, Lí thông bị trừng trị. Thạch Sanh cưới công chúa và được nối ngôi vua. |
| **\* Nhiệm vụ 2:** HDHS tìm hiểuchi tiết văn bản.  **2.1. Tìm hiểu nhân vật Thạch Sanh**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV nêu câu hỏi:  + *Gia cảnh của Thạch Sanh có gì đặc biệt? Em hãy kể tên những nhân vật có số phận giống Thạch Sanh? (\*)*  - GV phát PHT số 1, yêu cầu HS thảo luận nhóm bàn hoàn thành.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi; làm việc nhóm hoàn thiện PHT.  - GV quan sát, hướng dẫn, gợi ý:  *+ Thạch Sanh đã phải trải qua những thử thách nào? Mỗi lần thử thách TS lập được chiến công gì? Giành được phần thưởng nào ?*  + *Em có nhận xét gì về các thử thách chiến công và phần thưởng của Thạch Sanh?*  *+ Qua những lần thử thách ấy, em thấy TS bộc lộ những phẩm chất gì?*  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi cá nhân trả lời câu hỏi; đại diện nhóm trình bày sản phẩm thảo luận.  - HS theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, kết luận. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Nhân vật Thạch Sanh**  **a. Gia cảnh:**  - Chàng trai nhà nghèo, sống trong túp lều cũ dựng dưới gốc đa, cả gia tài chỉ có lười búa một mình,làm nghề đốn củi kiếm ăn.  - Mồ côi, không người thân thích, sống lủi thủi một mình  => Nhân vật mồ côi, nhà nghèo là một kiểu dạng nhân vật điển hình, xuất hiện trong những câu chuyện cổ tích Việt Nam  **b. Những thử thách và chiến công**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Thử thách** | **Chiến công** | **Phần thưởng cho chiến công** | | - Bị lừa thế mạng | - Diệt chằn tinh. | - Cung tên vàng | | - Đánh nhau với đại bàng tinh bị hãm hại dưới hang sâu | - Diệt đại bàng, cứu công chúa, thái tử con vua thuỷ tề | - Cây đàn thần | | - Bị hồn chằn tinh đại bàng báo thù | - Chữa bệnh cho công chúa và giải oan cho mình | - Cưới được công chúa | | - Bị quân chư hầu mười tám nước tiến đánh. | - Dẹp tan quân chư hầu mười tám nước. | - Nối ngôi vua, sống hạnh phúc | | => Thử thách ngày càng khó khăn, mức độ ngày càng nguy hiểm. | => Lập nhiều chiến công hiển hách | => Có được những phần thưởng quý giá. |   -> Qua các thử thách, TS đã bộc lộ nhiều phẩm chất đáng quý:  + Thật thà chất phác,  + Dũng cảm, tài giỏi,  + Nhân ái, yêu hoà bình.  => TS đại diện cho nhân vật dũng sĩ với đầy đủ những phẩm chất đáng quý tiêu biểu cho nhân dân ta. |
| **2.2. Tìm hiểu nhân vật Lí Thông**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV phát PHT số 2, yêu cầu thảo luận nhóm bàn, hoàn thiện.  + Có ý kiến cho rằng: “ Trong truyện *Thạch Sanh,tác giả dân gian đã xây dựng thành công hai tuyến nhân vật đối lập”. Hãy điền tiếp vào PHT để chứng minh điều đó.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc nhóm hoàn thiện PHT.  - GV quan sát, hướng dẫn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi đại diện nhóm trình bày sản phẩm thảo luận.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, kết luận. | **2. Nhân vật Lí Thông**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | ***Thạch Sanh*** | ***Lý Thông*** | | BCNN | Lao động | Bóc lột | | Phẩm chất | - Cả tin, thật thà:  + Tin lời đi canh miếu thay.  + Tin lời chằn tinh là của vua nuôi.  + Tin lời xuống hang cứu công chúa. | - Lừa lọc, xảo quyệt:  + Lừa TS thế mạng cho mình.  + Cướp công phong quận công.  + Lừa để lấy công chúa. | | - Là người vị tha, nhân hậu: Bị LT hãm hại rất nhiều nhưng vẫn không trả thù, mà tha chết cho về quê làm ăn. | - Tàn nhẫn, vô lương tâm: Lợi dụng tình anh em kết nghĩa để bóc lột sức lao động của Thạch Sanh. | | - Là người anh hùng, tài giỏi | Tiểu nhân bạc nhược, thấp hèn | |  | 🡺 Đại diện cho cái THIỆN,  “Ở hiền gặp lành”. | 🡺 Đại diện cho cái ÁC,  “Gieo gió gặp bão” | | => => Nghệ thuật đối lập: Sự chiến thắng của Thạch Sanh đối với Lí Thông là sự chiến thắng của cái đẹp, cái thiện đối với cái ác, cái xấu. | | | |
| **2.3. Tìm hiểu ý nghĩa các chi tiết kì ảo**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi, lớp thảo luận chung:  *+ Truyện có những yếu tố kì ảo nào? Hãy trình bày ý nghĩa của các chi tiết ấy?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân, cặp đôi, liệt kê các chi tiết kì ảo, thảo luận về ý nghĩa của nó.  - GV quan sát, hướng dẫn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi cá nhân HS trình bày.  - HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, kết luận. | **3. Các chi tiết kì ảo**  **a. Con vật kì ảo**  - Con Chằn tinh: chằn tinh có nanh vuốt để săn mồi, sau khi bị Thạch Sanh giết thì hiện nguyên hình là một con trăn khổng lồ  - Con đạị bàng: đại bàng khổng lồ quắp công chúa vào hang, hiện nguyên hình là con yêu tinh trên núi có nhiều phép lạ  - Hồn ma chằn tinh và đại bàng hãm hại Thạch Sanh  🡪 Sức sống dai dẳng của cái xấu, cái ác nhưng cuối cùng chúng bại trận dưới tay Thạch Sanh- người địa diện cho chính nghĩa  **b. Đồ vật kì ảo**  - Cây đàn thần với tiếng đàn kì lạ  + Giúp Thạch Sanh được giải oan, vạch mặt được kẻ xấu là Lý Thông  + Tiếng đàn là biểu trưng của công lý và công bằng xã hội  - Niêu cơm thần  + Thể hiện sự hòa ái, khoan dung của Thạch Sanh  + Đây cũng chính là tấm lòng nhân đạo, ưa chuộng hòa bình của nhân dân ta, ước mơ về cuộc sống no đủ  => Các yếu tố kì ảo mang lại cho truyện màu sắc thần kì, đồng thời thể hiện tư tưởng của nhân dân: những người hiền lành, lương thiện sẽ luôn nhận được sự giúp đỡ. |
| **2.4. Tìm hiểu cách kết thúc truyện**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi, lớp thảo luận chung:  *+ Truyện kết thúc như thế nào? Qua kết thúc này, nhân dân ta muốn thể hiện điều gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân, cặp đôi, thảo luận về ý nghĩa của kết thúc truyện.  - GV quan sát, hướng dẫn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi cá nhân HS trình bày.  - HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, kết luận. | **4. Kết thúc truyện**  - TS cưới công chúa, lên làm vua.  - Mẹ con LT bị sét đánh chết  => Kết thúc có hậu thể hiện ước mơ công lý, công bằng xã hội: có công được thưởng, có tội bị trừng phạt; ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác |
| **\* Nhiệm vụ 3:** HDHS tổng kết bài học  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân:  *+ Khái quát nghệ thuật và nội dung, ý nghĩa truyện cổ tích TS?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS căn cứ các nội dung đã tìm hiểu, dự kiến câu trả lời.  - GV gợi mở.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi cá nhân HS trình bày.  - HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, kết luận. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Kết cấu, cốt truyện mạch lạc, sắp xếp tình tiết khéo léo, hoàn chỉnh.  - Xây dựng hình tượng hai nhân vật đối lập, tương phản hầu như xuyên suốt truyện -> Tạo cho cốt truyện vững chắc, tập trung.  - Chi tiết tưởng tượng thần kỳ độc đáo giàu ý nghĩa ....  **2. Nội dung – Ý nghĩa**  **- Nội dung:** *Thạch Sanh* là truyện cổ tích về người dũng sĩ diệt chằn tinh, đại bàng cứu người...  **- Ý nghĩa:** Truyện thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về sự chiến thắng của những con người chính nghĩa lương thiện. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** GV sử dụng câu hỏi trắc nghiệm, hướng dẫn HS củng cố bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1:** Chi tiết nào sau đây nói lên hoàn cảnh sống của chàng Thạch Sanh?

A. Do Ngọc Hoàng sai Thái tử xuống đầu thai làm con.

B. Cha mẹ đi làm ăn xa.

**C. Thạch Sanh sớm  mồ côi, phải sống trong túp lều cũ dưới gốc đa làm nghề đốn củi.**

D. Cả A, B, C đều sai

**Câu 2:** Truyện Thạch Sanh thể hiện ước mơ gì của nhân dân lao động ?

A. Cuộc sống no đủ

B. Công bằng xã hội

C. Cái thiện chiến thắng các ác

**D. Tất cả đều đúng**

**Câu 3:** Trước khi được kết hôn với công chúa, Thạch Sanh phải trải qua mấy thử thách?

A. 2

B. 3

**C. 4**

D. 5

**Câu 4:** Trong truyện Thạch Sanh, vì sao Lí Thông muốn làm bạn với Thạch Sanh?

A. Vì thương cảm cho số phận mồ côi của Thạch Sanh.

B. Vì muốn được che chở cho Thạch Sanh.

**C. Vì thấy Thạch Sanh khỏe mạnh, có Thạch Sanh ở cùng sẽ đem lại nhiều lợi ích.**

D. Vì Lí Thông cũng có hoàn tương tự như Thạch Sanh.

**Câu 5:** Chi tiết tiếng đàn và niêu cơm đãi quân sĩ mười tám nước chư hầu đã thể hiện điều gì ở nhân dân?

A. Thể hiện sự yếu thế, nhún nhường

B. Thể hiện lòng tự hào dân tộc

**C. Thể hiện lòng nhân ái, nhân đạo và yêu chuộng hòa bình của dân tộc**

D. Tư tưởng cầu hòa, mong muốn chấm dứt chiến tranh bằng sự thua nhường quân giặc.

**Câu 6:** Thạch Sanh đã nhận được báu vật gì sau khi giết chết chằn tinh?

A. Một cây đàn thần.

**B. Một bộ cung tên bằng vàng**

C. Một cái niêu cơm thần.

D. Một cây búa thần.

**Câu 7:** Trong truyện Thạch Sanh, hồn của các con vật bị Thạch Sanh tiêu diệt đã bày ra âm mưu gì để hại chàng?

**A. Ăn trộm của cải của vua mang giấu ở gốc đa rồi đổ tội cho Thạch Sanh.**

B. Vu khống cho Thạch Sanh tội giết người.

C. Đốt nhà của Thạch Sanh.

D. Bắt cóc con gái của vua để đổ tội cho Thạch Sanh.

**Câu 8:** Chi tiết nào dưới đây không phải là việc làm của Thạch Sanh trong truyện?

A. Giết trăn tinh để giải cứu cho dân chúng.

B. Giết đại bàng để giải cứu cho công chúa và con trai vua Thủy tề.

**C. Giết hổ thành tinh để giải thoát cho những người bị nó bắt.**

D. Đánh bại quân mười tám nước chư hầu.

**Câu 9:** Chủ đề của truyện Thạch Sanh là gì?

A. Đấu tranh chống chính quyền

B. Đấu tranh chống xâm lược

C. Đấu tranh chinh phục thiên nhiên

**D. Đấu tranh chống cái xấu, cái ác.**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS huy động kiến thức, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động.

- HS trả lời câu hỏi.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập( viết kết nối với đọc).

**b. Nội dung:**GV giao nhiệm vụ cho HS viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

*-* GV giao nhiệm vụ: *Dũng sĩ là người có lòng dũng cảm, chiến đấu diệt trừ kẻ ác, bảo vệ cuộc sống cộng đồng. Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) kể về một dũng sĩ mà em gặp ngoài đời hoặc biết qua sách báo, truyện kể.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS viết đoạn văn.

- GV gợi ý:

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS đọc đoạn văn

- GV tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

(Tham khảo đoạn văn sau)

*Nguyễn Ngọc Mạnh là người dũng sĩ trong đời thực để lại ấn tượng sâu đậm trong em. Anh chỉ là một người bình thường như bao chúng ta chứ không có phép thuật phi thường nào cả. Vậy mà khi chứng kiến hình ảnh em bé đang lơ lửng trên ban công, anh đã không ngại hiểm nguy, không kịp suy nghĩ mà lao lên nơi nhà xe bằng mái tôn bất chấp nguy hiểm. Trong phút giây nghìn cân treo sợi tóc, tinh thần, lòng trắc ẩn đã đánh thức bản năng anh hùng trong một con người bình thường. Và chính anh đã cứu sống em bé, cứu sống niềm tin trong tất cả chúng ta và giúp mọi người hiểu hơn về anh hùng đời thường. Anh chính là một tấm gương sáng để bản thân em noi theo.*

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Những thử thách** | **Chiến công của TS** | **Phần thưởng**  **cho chiến công** |
| TS bị mẹ con Lý Thông lừa đi canh miếu thờ để thế mạng. |  |  |
| TS xuống hang diệt đại bàng cứu công chúa, bị Lý Thông lừa lấp cửa hang. |  |  |
| Hồn chằn tinh và đại bàng bày mưu báo thù, Thạch Sanh bị bắt hạ ngục. |  |  |
| Hoàng tử 18 nước chư hầu kéo quân sang đánh. |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | ***Thạch Sanh*** | ***Lý Thông*** |
| BCNN | Lao động |  |
| Phẩm chất | - Cả tin, thật thà:  + Tin lời đi canh miếu thay.  + Tin lời chằn tinh là của vua nuôi.  + Tin lời xuống hang cứu công chúa. |  |
| - Là người vị tha, nhân hậu: Bị LT hãm hại rất nhiều nhưng vẫn không trả thù, mà tha chết cho về quê làm ăn. |  |
| - Là người anh hùng, tài giỏi |  |
| Nhận xét | 🡺 Đại diện cho cái THIỆN,  “Ở hiền gặp lành”. |  |

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày dạy* | *Lớp 6B:………………………………* |
|  |  |

**Tiết 79**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Nghĩa của từ

- Thành ngữ

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt:

+ Hiểu và nhận biết được nghĩa của từ trong văn bản.

+ Thấy được mối quan hệ giữa một số thành ngữ và các câu chuyện kể.

**3. Về phẩm chất:** yêu quý, trân trọng, giữ gìn sự giàu đẹp của tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK,KHBD, máy tính.

**2. Học sinh:** SGK, đọc và chuẩn bị trước nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Nhanh như chớp”, hướng vào nội dung bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV tổ chức trò chơi “Nhanh như chớp”

*+ Gv chia lớp thành 2 nhóm. Mỗi nhóm cử ra 3 đại diện để tham gia trò chơi. Ba học sinh lần lượt trả lời, không được giành lượt của bạn, có thể nhắc bạn.*

*Nhóm 1: Trong vòng 90 giây, hãy liệt kê những từ ghép có từ “Tuyệt”*

*Nhóm 2: Trong vòng 90 giây, hãy liệt kê ra những từ ghép có từ “Giác”*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, sẵn sàng tham gia trò chơi.

- GV gợi ý, hướng dẫn.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Đại diện nhóm tham gia trò chơi.

- GV tổ chức cho HS đánh giá, nhận xét khi trò chơi kết thúc.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV dẫn dắt vào bài.

**B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

- Củng cố kiến thức về nghĩa của từ, thành ngữ.

- Hiểu và vận dụng được cách nhận biết nghĩa của từ trong văn bản.

- Thấy được mối quan hệ giữa một số thành ngữ và các câu chuyện kể.

**b. Nội dung:** GV sử dụng kĩ thuật mảnh ghép,HDHS làm bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả hoàn thành bài tập của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - Gv sử dụng kĩ thuật các mảnh ghép, giao nhiệm vụ cho học sinh.  **+ Vòng chuyên gia (10 phút)**  . Mỗi bàn là 1 nhóm.  . Mỗi nhóm sẽ làm 1 bài tập, lần lượt cho đến hết.  **+ Vòng mảnh ghép (15 phút)**  . Hình thành nhóm mới: mỗi nhóm sẽ có 1 người cũ, 3 người mới.  . Các “chuyên gia” sẽ lần lượt trao đổi câu trả lời và thông tin ở vòng 1 cho các thành viên trong nhóm mới.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - GV quan sát, gợi ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện mỗi nhóm báo cáo kết quả.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, kết luận. | **Bài tập 1**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Yếu tố HV A** | **Nghĩa của yếu tố HV A** | **Từ HV**  **(Gia + A)** | **Nghĩa của từ**  **(Gia + A)** | | Tiên | Trước, sớm nhất | Gia tiên | Tổ tiên của gia đình | | Truyền | Trao, chuyển | Gia truyền | Được truyền lại qua các thế hệ trong gia đình | | Cảnh | Hiện trạng nhìn thấy | Gia cảnh | Hiện trạng của gia đình | | Sản | Của cải | Gia sản | Tài sản trong gia đình | | súc | Các loại thú nuôi | Gia súc | Các loại vật nuôi trong gia đình |   **Bài 2**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Từ ngữ | Nghĩa của từ | | 1 | Hiện nguyên hình | Trở về hình dạng vốn có | | 2 | Vu vạ | Đổ tội cho người khác | | 3 | Rộng lượng | Tấm lòng rộng rãi, dễ tha thứ, cảm thông với những sai lầm của người khác | | 4 | Bủn rủn | Không thể cử động được do gân cốt rã rời ra |   **Bài 3**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Từ ngữ** | **Ý nghĩa** | | 1 | Khoẻ như voi | Rất khoẻ | | 2 | Lân la | Từ từ đến gần, tiếp cận ai đó | | 3 | Gạ | Chào mời, dụ dỗ làm việc gì đó | | 4 | Hí hửng | Vui mừng thái quá | | 5 | Khôi ngô tuấn tú | Diện mạo đẹp đẽ, sáng láng | | 6 | Bất hạnh | Không may, gặp phải những rủi ro khiến phải gặp đau khổ | | 7 | Buồn rười rượi | Rất buồn |   **Bài 4**  - Niêu cơm Thạch Sanh: là niêu cơm ăn không bao giờ hết, nguồn cung cấp vô hạn  - Một số thành ngữ hình thành từ các truyện kể: hiền như cô Tấm, Thạch Sùng còn thiếu mẻ kho, tham thì thâm... |

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng khắc sâu kiến thức.

**b. Nội dung:** GV giao việc- HS tiến hành làm bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài tập đã hoàn thành.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS

*Viết đoạn văn (khoảng 7-10 câu) về một truyện cổ tích mà em yêu thích, trong đó có sử dụng ít nhất một thành ngữ về mối quan hệ nhân quả.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn HS viết đoạn.

- Cá nhân HS hoàn thành vào vở.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV gọi 1-3 HS đọc đoạn văn của mình.

- Lớp nhận xét, điều chỉnh.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, điều chỉnh.

*Tham khảo: Từ xưa đến nay, những câu chuyện cổ tích luôn có sức hấp dẫn đặc biệt với trẻ thơ vì đó là thế giới của những điều diệu kì, những giấc mơ đẹp. Truyện mà em thích nhất là Sọ Dừa. Chàng trai Sọ Dừa sinh ra đã mang một dáng hình khác lạ, xấu xí nhưng chàng lại có nhiều tài năng, phẩm chất tốt đẹp. Vì muốn giúp đỡ mẹ, chàng đã xin đến ở nhà phú ông và chăn bò rất giỏi, con nào con nấy no căng. Không những vậy, chàng còn gặp được người con gái út của phú ông có tấm lòng nhân hậu, tốt bụng và nên duyên vợ chồng. Trải qua nhiều gian nan và thử thách, cuối cùng hai vợ chồng Sọ Dừa đã có được cuộc sống hạnh phúc. Đó là một kết thúc có hậu, phần thưởng xứng đáng cho những con người hiền lành, lương thiện. Như vậy, với truyện cổ tích Sọ Dừa, nhân dân ta đã gửi gắm ước mơ về một cuộc sống công bằng, ở hiền gặp lành.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ngày dạy* | *Lớp 6B: …………………….* |
|  |  | *……………………* |

**Tiết 80-81**

**CÂY KHẾ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Một số đặc điểm của truyện cổ tích: chi tiết kì ảo, ước mơ và niềm tin của nhân dân được thể hiện qua truyện cổ tích; nhân vật hai anh em; chủ đề, ý nghĩa của truyện.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên sức hấp dẫn của truyện cổ tích: các đặc điểm của nhân vật; các yếu tố kì ảo như con vật kì ảo, không gian kì ảo; lời kể chuyện…

+ Nhận biết và đánh giá được bài học đạo đức và ước mơ cuộc sống mà tác giả dân gian gửi gắm qua câu chuyện.

**3. Về phẩm chất:** Tình yêu thương con người, lòng nhân hậu, không tham lam.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, KHBD, máy tính, PHT

**2. Học sinh:** SGK, Vở thực hành, đọc và chuẩn bị trước nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV sử dụng PPDH nêu vấn đề, hướng HS vào bài học.

**c. Sản phẩm:** Hiểu biết của cá nhân HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Gv tổ chức cho HS chia sẻ nội dung trước khi đọc ( SGK/31)

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS chuẩn bị chia sẻ cá nhân.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Cá nhân HS chia sẻ.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV dẫn dắt vào bài.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu**:

- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên sức hấp dẫn của truyện cổ tích: các đặc điểm của nhân vật; các yếu tố kì ảo như con vật kì ảo, không gian kì ảo; lời kể chuyện…

- Nhận biết và đánh giá được bài học đạo đức và ước mơ cuộc sống mà tác giả dân gian gửi gắm qua câu chuyện.

- Tình yêu thương con người, lòng nhân hậu, không tham lam.

**b. Nội dung**:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT dạy học hợp tác, hướng dẫn HS đọc- khám phá văn bản.

- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin, làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời và phiếu học tập đã hoàn thành của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Nhiệm vụ 1:** HDHS đọc- tìm hiểu chung  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc ( lưu ý HS chiến lược đọc).  - GV chiếu PHT số 1, yêu cầu HS nối theo trình tự cốt truyện.  - GV HDHS tìm hiểu chú thích.  - GV nêu câu hỏi:  + Em có thích truyện không? Vì sao?  + Truyện kể về nhân vật nào? Nhân vật đó thuộc kiểu nhân vật nào trong truyện cổ tích ? Dựa vào đâu em nhận ra điều đó?  + Truyện sử dụng ngôi kể nào? Dựa vào đâu em nhận ra ngôi kể đó? Lời kể của ai?  + Tìm những từ ngữ quen thuộc chỉ thời gian quá khứ, không gian không xác định trong truyện.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe, quan sát, đọc, trả lời câu hỏi.  - Gv quan sát, gợi ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS giải nghĩa từ, trả lời các câu hỏi.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, điều chỉnh cách đọc bài cho HS. | **I. Đọc- tìm hiểu chung**  **1. Đọc, kể tóm tắt**  - Cha mẹ chết, người anh chia gia tài, người em chỉ được cây khế.  - Cây khế có quả, chim đến ăn, người em phàn nàn và chim hẹn trả ơn bằng vàng.  - Chim chở người em bay ra đảo lấy vàng, nhờ thế người em trở nên giàu có.  - Người anh biết chuyện, đổi gia tài của mình lấy cây khế, người em bằng lòng.  - Chim lại đến ăn, mọi chuyện diễn ra như cũ, nhưng người anh may túi quá to và lấy quá nhiều vàng.  - Người anh bị rơi xuống biển và chết.  **2. Chú thích**  **3. Văn bản**  - Kiểu nhân vật: bất hạnh.  - Ngôi kể: thứ ba.  - Ý nghĩa các cụm từ chỉ thời gian quá khứ và không gian không xác định: Đây là công thức mở đầu, có ý nghĩa phiếm chỉ không gian – thời gian xảy ra câu chuyện, nhằm đưa người đọc vào thế giới hư cấu thuận lợi hơn. |
| **\* Nhiệm vụ 2:** HDHS tìm hiểuchi tiết văn bản.  **2.1. Tìm hiểu đặc điểm nhân vật người anh và người em và bài học từ câu chuyện.**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV phát PHT số 2, yêu cầu HS làm việc nhóm bàn hoàn thiện.  - GV nêu câu hỏi:  *+ Qua kết cục của người anh và người em trong truyện, các tác giả dân gian muốn gửi gắm đến chúng ta bài học gì? Từ truyện, em rút ra bài học gì cho bản thân?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS khai thác văn bản, hoàn thiện PHT  - GV quan sát, hướng dẫn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV tổ chức cho HS hoạt động.  - Đại diện HS trình bày kết quả thảo luận-> HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét chiếu KL. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Nhân vật người anh, người em và bài học từ câu chuyện**  ***a. Đặc điểm***   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Người anh | Người em | | Hành động | - Chiếm hết tài sản.  - Nịnh nọt người em đổi hết tài sản lấy cây khế.  - May túi 12 gang.  - Cố vơ vét hết vàng trên đảo. | - Thương anh, biết phận mình nên không đòi hỏi.  - Chăm sóc cây khế.  - May túi ba gang, lấy vàng trên đảo.  - Sẵn sàng chia sẻ cây khế với anh. | | Kết cục | Bị rơi xuống biển, “tham thì thâm” | Sống sung túc, “ở hiền gặp lành” | | Nhận xét | Ích kỷ, keo kiệt, tham lam, vô ơn, sống không có tình nghĩa. | Tốt bụng, thật thà, lương thiện, biết ơn, giàu tình nghĩa |   ***b. Ý nghĩa***  - Không tham lam, biết vừa đủ.  - Sống nhân hậu, tình nghĩa, biết giữ lời hứa, biết đền đáp ơn nghĩa.  - Anh em trong gia đình phải biết thương yêu, đùm bọc, giúp đỡ nhau.  - Trung thực, chăm chỉ, hiểu được ý nghĩa của lao động chân chính. |
| **2.2. Tìm hiểu ý nghĩa của các chi tiết kì ảo**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV giao nhiệm vụ:  *+ Con chim đến ăn khế có phải con vật kì ảo không? Vì sao?*  *+ Hòn đảo xa có điều gì kì diệu? Điều kì diệu này đã giúp gì cho cuộc sống của người em sau đó.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân ( có thể trao đổi cặp) tìm câu trả lời.  - GV quan sát, hướng dẫn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV tổ chức cho HS hoạt động.  - Cá nhân HS trả lời. HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét chiếu KL. | **2. Ý nghĩa của các chi tiết kì ảo**  - Chi tiết con chim thần  + Biết nói tiếng người, hiểu tiếng người  + Biết ứng xử như con người: ăn khế- trả vàng  + Có phép thần kì: biết chỗ cất giấu của cải, chở được người trên lưng  🡪 Chi tiết con chim thần giúp cho câu chuyện trở nên hấp dẫn và lôi cuốn đồng thời thực hiện chức năng ban thưởng cho nhân vật tốt, trừng phạt nhân vật xấu  - Chi tiết hòn đảo thần kì:  + Chim bay mãi, bay mãi mới đến gợi ra không gian kì ảo  + Trên đảo toàn đá trắng, đá xanh, đá đỏ, đá ngũ sắc, … toàn những thứ đá trong như thủy tinh và hổ phách đủ các màu. Có hang sâu và rộng, ngoài cửa có nhiều vàng và kim cương.  🡪 Câu chuyện trở nên hấp dẫn và lôi cuốn bởi màu sắc thần bí, huyền diệu. |
| **\* Nhiệm vụ 3: Tổng kết bài học**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV giao nhiệm vụ:  *<?> Khái quát nghệ thuật và nội dung, ý nghĩa bài?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm bàn, rút ra kết luận.  - GV gợi mở.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện nhóm khái quát nội dung, ý nghĩa.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, kết luận. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Xây dựng chi tiết kì ảo, tăng sức hấp dẫn cho truyện.  - Cách kể chuyện hấp dẫn sinh động.  **2. Nội dung- Ý nghĩa:**  \* *Nội dung*: Truyện kể về người anh tham lam, độc ác đã phải trả giá và người em chăm chỉ, hiền lành, lương thiện đã được đền đáp xứng đáng.  \* *Ý nghĩa*: Thể hiện ước mơ của nhân dân ta về công bằng trong xã hội, cái thiện chiến thắng cái ác. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** GV sử dụng câu hỏi trắc nghiệm, hướng dẫn HS củng cố bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của cây khế là gì?

1. **Tự sự**
2. Miêu tả
3. Biểu cảm
4. Nghị luận

Câu 2: Trong các sự kiện sau, sự kiện nào xuất hiện đầu tiên trong truyện Cây khế?

1. Vợ chồng người anh thấy, sinh lòng tham nên muốn đổi cây khế cho mình. Người em ưng thuận.
2. **Người anh từ khi lấy vợ lười biếng, đẩy công việc cho vợ chồng em. Còn hai vợ chồng người em chăm chỉ làm lụng.**
3. Người anh đẩy em ra ở riêng nhưng chỉ chia cho một túp lều nát và một cây khế.
4. Vợ chồng em gặp chim đến ăn khế, được chim trả bằng vàng đựng trong túi ba gang. Gia đình người em trở nên khá giả

Câu 3: Đâu **không** phải ý nghĩa câu chuyện?

1. Thể hiện ước mơ của nhân dân về công bằng.
2. **Thê hiện ước mơ của nhân dân về anh hùng.**
3. Phê phán người tham lam, kẻ ác.
4. Ca ngợi người hiền lành, nhân hậu.

Câu 4: Chi tiết nào sau đây là yếu tố kìa ảo trong truyện Cây khế?

**A. Con chim biết nói tiếng cười**

B. Người anh chia cho em túp lều và cây khế

C. Người em may chiếc túi ba gang

D. Người em đổi túp lều và cây khế cho người anh

Câu 5: Hai anh em nhà kia tính tình khác nhau thế nào?

1. Người anh tốt bụng chăm chỉ.
2. **Người anh tham lam, lười biếng, người em tốt bụng chăm chỉ.**
3. Người em tham lam lười biếng.
4. Cả ba đáp án đều sai

Câu 6: Khi cho em ra ở riêng, người anh chia gì cho em?

1. **Cây khế và túp lều**
2. Ngôi nhà ngói
3. Mảnh vườn
4. Vàng bạc

Câu 7: Khi thấy em trở nên giàu có, người anh đã làm gì?

1. **Người anh đòi đổi ruộng vườn, nhà cửa của mình để lấy cây khế.**
2. Người anh đòi người em cho mình cây khế.
3. Người anh cho rằng người em đã làm việc khuất tất
4. Người anh thấy hối hận vì trước kia đã đối xử không tốt với em

Câu 8: Vì sao người anh rơi xuống biển:

1. **Người anh lấy quá nhiều vàng, con chim đuối sức vì chở quá nặng.**
2. Người anh lấy quá nhiều vàng, phượng hoàng cố tình nghiêng cánh làm rơi người anh.
3. Người anh cầm nhiều vàng quá nên bị trượt tay và rơi xuống
4. Cả ba đáp án đều sai

Câu 9: Câu chuyện muốn nói với chúng ta điều gì?

1. Chăm chỉ , tốt bụng sẽ gặp được điều tốt.
2. Những kẻ xấu xa, tham lam sẽ tự gây họa cho bản thân.
3. Xấu xa, tham lam vẫn sẽ gặp điều tốt lành.
4. **Câu A và B đúng**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS huy động kiến thức, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động.

- HS trả lời câu hỏi.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập( viết kết nối với đọc).

**b. Nội dung:**GV giao nhiệm vụ cho HS viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

*-* GV giao nhiệm vụ: *Tưởng tượng một kết thúc khác cho truyện “Cây khế”. Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) kể về kết thúc đó.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS viết đoạn văn.

- GV gợi ý:

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS đọc đoạn văn

- GV tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

(Tham khảo đoạn văn sau)

*Sau khi bị rơi xuống biển, người anh trôi dạt vào bờ. Tỉnh lại được người dân cứu giúp và đưa trở về nhà trong tình trạng thê thảm. Từ đó, người anh hiểu ra hậu quả do thói tham lam gây nên và sống tử tế, nhân hậu hơn. Chứng kiến người anh đã thức tỉnh, người em trai hết lòng giúp đỡ anh vực dậy, cùng nhau chia ruộng đất, lao động cần mẫn, chăm chỉ và yêu thương nhau hơn xưa. Thấm thoát cả hai anh em cùng trở nên khá giả. Họ đã bàn với nhau để dành một phần riêng thóc gạo giúp đỡ những người nghèo khổ. Tiếng lành đồn xa, ai ai cũng yêu quý hai anh em nhà ấy.*

- GVkhuyến khích học sinh tự nhận biết: Nhận biết những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản *Thạch Sanh* và *Cây khế.*

**PHT số 1**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A |  | B | |
| 1 | a | Chim chở người em bay ra đảo lấy vàng, nhờ thế người em trở nên giàu có. |
| 2 | b | Cha mẹ chết, người anh chia gia tài, người em chỉ được cây khế. |
| 3 | c | Người anh biết chuyện, đổi gia tài của mình lấy cây khế, người em bằng lòng. |
| 4 | d | Cây khế có quả, chim đến ăn, người em phàn nàn và chim hẹn trả ơn bằng vàng. |
| 5 | e | Chim lại đến ăn, mọi chuyện diễn ra như cũ, nhưng người anh may túi quá to và lấy quá nhiều vàng |
| 6 | g | Người anh bị rơi xuống biển và chết |

**PHT số 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Người em** | **Người anh** | |
| **Hành động** |  |  | |
|  |  | |
|  |  | |
|  |  | |
|  |  | |
|  |  | |
|  |  | |
|  |  | |
|  |  | |
| **Kết cục** |  |  | |
|  |  | |
|  |  | |
|  |  | |
| **Đánh giá** |  |  | |
|  |  | |
|  |  | |
| *Ngày dạy* | | | *Lớp 6B:………………………………* | |
|  | | |  | |

**Tiết 82**

**ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 2**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Củng cố kiến thức về các thể loại VB đọc ( truyện truyền thuyết, truyện cổ tích), kiểu bài viết ( Văn bản thuyết minh thuật lại một sự kiện/ một sinh hoạt văn hóa), nội dung nói và nghe ( kể lại một truyền thuyết) , kiến thức về tiếng Việt ( dấu chấm phấy) đã học đầu học kì 2, tính đến thời điểm ôn tập.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt:

+ Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết.

**3. Về phẩm chất:** chăm chỉ, tự tin

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK,KHBD, máy tính.

**2. Học sinh:** SGK, chuẩn bị nội dung bài theo hướng dẫn của giáo viên.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV KT dạy học tia chớp, tổ chức cho HS huy động kiến thức, hướng vào nội dung bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS:

*+ Kể tên các văn bản, thể loại đã học ở bài 6 và bài 7.*

*+ Kiểu bài viết được học ở bài 6 và bài 7 ?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS lắng nghe câu hỏi, huy động kiến thức để trả lời.

- GV gợi ý, hướng dẫn.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

## - Cá nhân HS trả lời nhanh.

- HS khác, lắng nghe, nhận xét câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** Củng cố kiến thức về các thể loại VB đọc ( truyện truyền thuyết, truyện cổ tích), kiểu bài viết ( Văn bản thuyết minh thuật lại một sự kiện/ một sinh hoạt văn hóa), nội dung nói và nghe ( kể lại một truyền thuyết) , kiến thức về tiếng Việt ( dấu chấm phấy) đã học đầu học kì 2, tính đến thời điểm ôn tập.

**b. Nội dung:** GV sử dụng SGK, hướng dẫn HS khai thác ngữ liệu, hình thành kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* NV1:** GVHDHS ôn tập kiến thức về thể loại.  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu đại diện của các nhóm lên trình bày sơ đồ tư duy về thể loại truyền thuyết và truyện cổ tích.  + Nhóm 1: Truyền thuyết, một số yếu tố của truyền thuyết.  + Nhóm 2: Truyện cổ tích, một số yếu tố của truyện cổ tích.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận,chuẩn bị nội dung thuyết trình.  - GV quan sát, gợi ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm trả lời.  - Lớp lắng nghe. Đại diện nhóm 3 nhận xét kết quả của nhóm 1; đại diện nhóm 4 nhận xét kết quả của nhóm 2.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, kết luận, nhấn mạnh cho HS thấy sự khác biệt giữa truyện truyền thuyết và TCT  - Giống nhau :  + Đều là truyện dân gian.  + Đều có yếu tố hoang đường kì ảo.  - Khác nhau:  + Truyền thuyết kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử.  + Cổ tích kể về cuộc đời của một số kiểu nhân vật.  + Truyền thuyết sử dụng yếu tố kì ảo nhằm mục đích thiêng liêng hoá nhân vật, sự kiện.  + Cổ tích sử dụng yếu tố hoang đường để gửi gắm ước mơ công lí . . . | **I. Ôn tập tri thức về thể loại**  **1. Truyền thuyết, một số yếu tố của truyền thuyết.**  **a. Truyền thuyết**  - Truyền thuyết là loại truyện dân gian kể về các sự kiện và nhân vật ít nhiều có liên quan đến lịch sử thông qua sự tưởng tượng, hư cấu.  **b. Một số yếu tố của truyền thuyết**  - Chủ đề: cuộc đời và chiến công của nhân vật lịch sử hoặc giải thích nguồn gốc các phong tục, sản vật địa phương theo quan điểm của tác giả dân gian.  - Thời gian: theo mạch tuyến tính. Nội dung thường gồm ba phần gắn với cuộc đời của nhân vật chính: hoàn cảnh xuất hiện và thân thế; chiến công phi thường; kết cục.  - Nhân vật chính: là những người anh hùng. - Lời kể: cô đọng, mang sắc thái trang trọng, ngợi ca, có sử dụng một số thủ pháp nghệ thuật nhằm gây ấn tượng về tính xác thực của câu chuyện.  - Yếu tố kì ảo (lạ, không có thật) xuất hiện đậm nét ở tất cả các phần nhằm tôn vinh, lí tưởng hoá nhân vật và chiến công của họ.  **2. Cổ tích, một số yếu tố của cổ tích**  **a. Truyện cổ tích**  Truyện cổ tích là loại truyện dân gian có nhiều yếu tố hư cấu, kì ảo, kể về số phận va cuộc đời của nhân vật trong các mối quan hệ xã hội. Truyện cổ tích thề hiện cái nhìn về hiện thực, bộc lộ quan niệm đạo đức, lẽ công bằng và ước mơ về một cuộc sống tốt đẹp hơn của người lao động xưa.  **b. Đặc điểm nghệ thuật của truyện cổ tích**  - Truyện cổ tích thường kể về những xung đột trong gia đình, xã hội, phản ánh số phận của các cá nhân và thề hiện ước mơ đồi thay số phận của chính họ.  - Nhân vật trong truyện cổ tích đại diện cho các kiểu người khác nhau trong xã hội, thường được chia làm hai tuyến: chính diện (tốt, thiện) và phản diện (xấu, ác).  - Các chi tiết, sự việc thường có tính chất hoang đường, kì ảo.  - Truyện được kể theo trật tự thời gian tuyến tính, thề hiện rõ quan hệ nhân quả giữa các sự kiện.  - Lời kể trong truyện cổ tích thường mở đầu bằng những từ ngữ chỉ không gian, thời gian không xác định. Tuỳ thuộc vào bối cảnh, người kể chuyện có thể thay đồi một số chi tiết trong lời kể, tạo ra nhiều bản kể khác nhau ở cùng một cốt truyện. |
| **\* NV2:** HDHS ôn tập kiến thức về Tiếng Việt.  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *+ Nêu đặc điểm, công dụng của dấu chấm phấy.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS huy động kiến thức, chuẩn bị câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Cá nhân HS trả lời nhanh.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II. Ôn tập tri thức Tiếng Việt**  - Công dụng: dùng để ngắt các thành phần lớn trong một câu, thường các thành phần này có quan hệ đồng đẳng, mang tính liệt kê.  - Vị trí: đặt ở cuối |
| **\* NV3:** HDHS ôn tập kiến thức về kiểu bài viết.  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *+ Nhắc lại yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về một sự kiện ( một sinh hoạt văn hóa)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS huy động kiến thức, chuẩn bị câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Cá nhân HS trả lời nhanh.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **III. Ôn tập tri thức về kiểu bài viết**  **1. Yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về một sự kiện ( một sinh hoạt văn hóa)**  - Xác định rõ người tường thuật tham gia hay chứng kiến sự kiện và sử dụng ngôi tường thuật phù hợp (Sử dụng ngôi kể thứ nhất: xưng “tôi” hoặc “chúng tôi”)  - Giới thiệu được sự kiện cần thuật lại, nêu được bối cảnh ( không gian và thời gian)  - Thuật lại được điễn biến chính, sắp xếp các trình tự theo một trình tự hợp lí.  - Tập trung vào một số chi tiết tiêu biểu, hấp dẫn, thu hút dược sự chú ý của người đọc.  - Nêu được cảm nghĩ, ý kiến của người viết về sự kiện.  **2. Dàn ý**  - *Mở bài*: Giới thiệu sự kiện (Không gian, thời gian, mục đích tổ chức sự kiện).  - *Thân bài*: Tóm tắt diễn biến của sự kiện theo trình tự thời gian  + Những nhân vật tham gia sự kiện.  + Các hoạt động chính trong sự kiện ; đặc điểm, diễn biến của từng hoạt động.  + Hoạt động để lại ấn tượng sâu sắc nhất  - *Kết bài*: Nêu ý nghĩa của sự kiện và cảm nghĩ của người viết |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

- Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết.

**b. Nội dung:**

- Gv tổ chức hướng dẫn HS thực hành luyện tập.

**-** HS sử dụng SGK, thảo luận nhóm, tiến hành làm bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của các nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV phát PHT số 1 và số 2 , yêu cầu HS thảo luận nhóm bàn hoàn thiện.  + Bàn chẵn: Hoàn thiện phiếu số 1  + Bàn lẻ: Hoàn thiện phiếu số 2  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận cặp đôi, hoàn thiện PHT  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận ;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV tổng hợp, kết luận, chiếu đáp án. | **IV. Luyện tập**  **Bài tập 1**  **Câu 1:**  VB: Thạch Sanh  **Câu 2:** Thể loại: Truyện cổ tích  **Câu 3:**  Chi tiết niêu cơm thần  **Câu 4.** Gv gợi ý các ý chính trong đoạn văn.  - Giới thiệu TCT TS: *Thạch Sanh* là câu chuyện thể hiện ước mơ, niềm tin về đạo đức, công lý xã hội và lý tưởng nhân đạo, yêu hòa bình của nhân dân ta.  - Nêu được chi tiết kì ảo: Trong đoạn trích trên, niêu cơm thần là một chi tiết tưởng tượng kì ảo giàu ý nghĩa.  - Cảm nhận của em về chi tiết đó: Niêu cơm có khả năng phi thường, cứ ăn hết lại đầy, làm cho quân sĩ 18 nước chư hầu ban đầu coi thường, chế giễu, nhưng sau đó phải ngạc nhiên, khâm phục. Niêu cơm thần không những đã cảm hóa được quân thù mà còn khiến chúng phải cúi đầu khâm phục. Vì thế, niêu cơm tượng trưng cho tình thương, lòng nhân ái, ước vọng đoàn kết, tư tưởng yêu hòa bình của dân ta. Ngoài ra, hình ảnh đó còn mang ước mơ lãng mạn về sự no đủ của cư dân nông nghiệp VN ta khi có được niêu cơm cứ ăn hết lại đầy thì lao động của con người sẽ trở nên đỡ vất vả hơn, mọi người sẽ có được cuộc sống no đủ, hạnh phúc.  **Bài 2:**  **Câu 1:**  Truyện *Thánh Gióng* thuộc loại truyện Truyền thuyết.  **Câu 2:**   * Những nhân vật trong truyện là: * + Nhân vật Thánh Gióng.   + Vợ chồng ông lão nghèo, cha mẹ của Gióng.  + Vua, sứ giả triều đình.  + Dân làng…  - Thánh Gióng là nhân vật chính.  **Câu 3:** Tự sự  **Câu 4:**  - Hình tượng Thánh Gióng hiện lên với nhiều chi tiết nghệ thuật hay và để lại những ấn tượng sâu sắc. Truyện chứa đựng những chi tiết hoang đường, kỳ ảo. Thánh Gióng là một biểu tượng của muôn người gộp sức, cùng nhau chống giặc ngoại xâm.  - Tự hào khi Thánh Gióng đánh giặc xong không đợi vua ban thưởng mà một mình một ngựa từ từ bay lên trời. Người con yêu nước ấy đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đánh giặc cứu nước của mình, và đã ra đi một cách vô tư, thanh thản, không hề màng tới công danh địa vị cho riêng mình. Điều đó cho thấy ở hình tượng Thánh Gióng - trong con người của chàng chỉ có yêu nước và cứu nước - tất cả đều cao đẹp, trong sáng như gương. Thánh Gióng chính là tượng trưng cho sự lớn mạnh của đất nước ta, dân tộc ta.  - Hình tượng Thánh Gióng vẫn đọng mãi trong tâm trí người đọc - một hình tượng nghệ thuật dân gian tuyệt đẹp, tràn đầy tư tưởng yêu nước, căm thù giặc và ý chí quyết thắng. |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  *-* GV chuyển giao nhiệm vụ: *Viết một bài văn thuyết minh thuật lại một lễ hội ở quê hương mà em đã từng tham gia hoặc chứng kiến.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Gv HDHS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HDHS thực hiện nhiệm vụ ở nhà, nộp lại bài viết cho GV vào tiết học sau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV chấm điểm bài viết, lấy điểm KTTX.  - GV nhắc HS ôn tập, kiểm tra giữa kì 2. | **Bài 3:** |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

**Đọc đoạn trích sau, trả lời câu hỏi:**

*... “ Thạch Sanh sai dọn một bữa thết đãi những kẻ thua trận. Cả mấy vạn tướng lĩnh, thấy Thạch Sanh chỉ cho dọn ra vẻn vẹn có một niêu cơm tí xíu thì ai nấy đều ngạc nhiên. Thạch Sanh thân chinh đến mời họ cầm đũa và hứa sẽ trọng thưởng cho những ai ăn hết nồi cơm đó. Quân sĩ mười tám nước ăn mãi, ăn mãi nhưng nồi cơm bé xíu vậy mà cứ ăn hết lại đầy. Sau khi ăn no nê, quân sĩ mười tám nước cúi đầu lạy tạ vợ chồng Thạch Sanh và kéo nhau về nước”.*

*( Ngữ văn 6, tập 2, trang 29, Kết nối tri thức với cuộc sống.)*

**Câu 1:** Đoạn trích trên nằm trong văn bản nào?

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

**Câu 2:** Thể loại của văn bản có chứa đoạn trích?

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

**Câu 3:** Tìm chi tiết tưởng tượng kì ảo có trong đoạn trích trên.

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

**Câu 4:** Trình bày cảm nhận của em về chi tiết kì ảo đó bằng một đoạn văn ngắn.

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

**Đọc đoạn trích sau, trả lời câu hỏi:**

*…“Giặc đã đến chân núi Trâu Sơn. Thế nước rất nguy, ai nấy đều hoảng hốt. Vừa lúc đó thì sứ giả đem ngựa sắt, áo giáp sắt, roi sắt đến. Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái, bỗng biến thành một tráng sĩ, oai phong lẫm liệt. Tráng sĩ bước lại vỗ vào mông ngựa. Ngựa hí vang lên mấy tiếng . Tráng sĩ mặc áo giáp vào, cầm roi, nhảy lên mình ngựa. Ngựa phun lửa, phi thẳng đến chỗ quân giặc đóng. Tráng sĩ xông vào trận đánh giết; giặc chết như ngả rạ. Bỗng roi sắt gãy. Tráng sĩ bèn nhổ những cụm tre cạnh đường quật vào giặc. Giặc tan vỡ. Đám tàn quân giẫm đạp nhau mà trốn thoát. Tráng sĩ đuổi đến núi Ninh Sóc. Nhưng đến đấy, không biết vì sao, Người một mình cưỡi ngựa lên đỉnh núi, cởi giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời, biến mất.”*

*( Thánh Gióng- Ngữ văn 6, tập 2, trang 8, Kết nối tri thức với cuộc sống.)*

**Câu 1.** Truyện *Thánh Gióng* thuộc thể loại nào ?

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

# Câu 2. Truyện có những nhân vật nào? Ai là nhân vật chính?

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

**Câu 3.** Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên?

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

**Câu 4.** Chi tiết*“Đến đấy, một mình một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời.”* có ý nghĩa gì*?* Hãy diễn đạt ý nghĩa ấy bằng một đoạn văn ngắn *(khoảng 10 đến 15 dòng)*.

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày dạy* | *Lớp 6B:………………………………* |
|  |  |

**Tiết 83 + 84**

**KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2**

**( Kiểm tra theo đề chung của trường)**

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày dạy* | *Lớp 6B:………………………………* |
|  |  |

**Tiết 85**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Nghĩa của từ

- Phép điệp ngữ

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt:

+ Hiểu nghĩa của từ ngữ trong văn bản, đặc biệt là hiểu các sắc thái ý nghĩa của từ ngữ (động từ, cụm động từ) trong việc thể hiện các thông điệp của văn bản hay biểu đạt dụng ý của người dùng.

+ Củng cố kiến thức và thực hành sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ.

**3. Về phẩm chất:** yêu quý, trân trọng, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK,KHBD, máy tính.

**2. Học sinh:** SGK, đọc và chuẩn bị trước nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV KT dạy học tia chớp, tổ chức cho HS huy động hiểu biết cá nhân, hướng vào nội dung bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu đoạn video Bác Hồ đọc “Tuyên ngôn độc lập”*,* yêu cầu HS:

*+ Xem video Bác Hồ đọc “Tuyên ngôn độc lập” và xác định những từ, cụm từ lặp lại trong video?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe, dự kiến câu trả lời.

- GV gợi ý, hướng dẫn.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Cá nhân HS trả lời: Các từ lặp lại: một dân tộc đã gan góc; tự do, độc lập

## -> Điệp ngữ

## - HS khác, lắng nghe, nhận xét câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách xác định nghĩa của từ, phép điệp ngữ

**b. Nội dung:** GV kĩ thuật dạy học tia chớp, HDHS củng cố kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *+ Em hãy nêu hiểu biết của mình về cách xác định nghĩa của từ*  *+ Nhắc lại phép điệp ngữ? Công dụng của phép điệp ngữ?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Cá nhân HS huy động kiến thức, dự kiến câu trả lời.  - GV gợi ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Cá nhân HS trả lời nhanh.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **I. Củng cố kiến thức**  **1. Nghĩa của từ**  - Dựa vào nghĩa của những yếu tố tạo nên từ ngữ đó để suy đoán nghĩa của nó.  - Dựa vào những từ ngữ xung quanh để suy đoán nghĩa của nó.  **2. Phép tu từ điệp ngữ**  - Lặp đi lặp lại từ ngữ  - Tác dụng  + Nhấn mạnh ý được nói tới trong câu  + Gây ấn tượng sâu sắc  + Làm câu thơ thêm mạnh mẽ và có nhịp điệu |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

- Hiểu nghĩa của từ ngữ trong văn bản, đặc biệt là hiểu các sắc thái ý nghĩa của từ ngữ (động từ, cụm động từ) trong việc thể hiện các thông điệp của văn bản hay biểu đạt dụng ý của người dùng.

- Củng cố kiến thức và thực hành sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ.

**b. Nội dung:**

- Gv tổ chức hướng dẫn HS thực hành luyện tập.

**-** HS sử dụng SGK, thảo luận nhóm, tiến hành làm các bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của các nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS vận dụng cách suy đoán nghĩa đã học hoặc tra từ điển.  - GV gợi ý HS cách giải nghĩa của từ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời cá nhân.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt đáp án. | **II. Luyện tập**  **Bài 1**  - (xanh) mơn mởn: xanh non, tươi  - Lúc lỉu: nhiều quả trên khắp các cành.  - Ròng rã: kéo dài, liên tục  - Vơi hẳn: giảm đi đáng kể |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc và làm bài tập 2  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân.  - GV HDHS làm theo bảng.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời cá nhân.  - Hs khác lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Gv nhận xét, đánh giá, chiếu kết luận. | **Bài 2:** |
| **a.**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Sự kiện** | **Vợ chồng người em** | | **Vợ chồng người anh** | | | **ĐT, CĐT** | **Đặc điểm** | **ĐT, CĐT** | **Đặc điểm** | | Chuẩn bị theo ra đảo | Nghe lời chim, may một túi | Chuẩn bị theo ra đảo | Cuống quýt bàn cãi may túi, định may nhiều cái túi | Cuống quýt bàn cãi may túi, định may nhiều cái túi | | Lên lưng chim để ra đảo | Trèo, trèo lên lưng | Lên lưng chim để ra đảo | Tót, tót ngay lên lưng | Tót, tót ngay lên lưng | | Lấy vàng bạc trên đảo | Không dám vào, chỉ dám nhặt ít | Lấy vàng bạc trên đảo | Hoa mắt vì của quý, mê mẩn tâm thần quên đói, quên không nhặt thêm, cố nhặt vàng và kim cương | Hoa mắt vì của quý, mê mẩn tâm thần quên đói, quên không nhặt thêm, cố nhặt vàng và kim cương | | |
|  | **b.**  - Tót: di chuyển đến nơi khác bằng động tác rất nhanh, gọn và đột ngột  - Cuống quýt: vội vã, tinh thần không còn tỉnh táo hoặc quá say mê đến mất bình tĩnh  - Mê mẩn tâm thần: tâm trí, tinh thần không còn tỉnh táo hoặc quá say mê đến mất bình tĩnh  - Nghe lời chim: lắng nghe và làm theo lời chỉ dẫn của chim |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc và làm BT3  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc SGK, làm việc cá nhân.  - Gv gợi ý, hướng dẫn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời cá nhân.  - HS khác lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Gv nhận xét, đánh giá, kết luận. | **Bài 3**  a. Điệp ngữ: ăn mãi... ăn mãi  🡪 Tác dụng: nhấn mạnh ăn rất lâu và rất nhiều, như thể không bao giờ dừng.  b. Điệp ngữ: bay mãi... bay mãi, hết.... đến, hết... đến  🡪 Tác dụng:  + nghĩa là bay rất lâu và xa.  + Điệp ngữ hết...đến là các khoảng không gian cứ nối tiếp nhau, tưởng chừng như vô tận, không có kết thúc. |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4, làm việc cá nhân.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Gv gợi ý HS nghĩ đến một sự vật, hoạt động, đặc điểm nào đó mà em muốn nói đến và nhấn mạnh, từ đó viết 1 câu theo yêu cầu của bài tập.  - HS đặt câu vào vở.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi 3-5 HS đặt câu.  - HS khác lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Gv nhận xét, kết luận, lưu ý HS điệp ngữ khác với việc lặp từ không có giá trị tu từ. | **Bài 4** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 5,thảo luận cặp đôi.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận hoàn thành BT.  - GV nhắc lại kiến thức: BPTT điệp ngữ dùng để liệt kê, nhấn mạnh, gây ấn tượng với người đọc, người nghe.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày kết quả thảo luận.  - HS khác lắng nghe, bổ sung  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Gv nhận xét, kết luận. | **Bài 5**  *- Một người là chúa miền non cao, một người là vua vùng nước thẳm, cả hai đều xứng đáng làm rể Vua Hùng,* nhấn mạnh sự ngang tài ngang sức, mỗi người một vẻ của Sơn Tinh, Thuỷ Tinh.  *- Một người ở vùng núi Tản Viên, có tài lạ: vẫy tay* ***về*** *phía đông, phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi.* [...] *Một người ở miền biển, tài năngcũng không kém: gọi gió, gió đến; hô mưa, mưa* ***về:*** liệt kê các phép lạ của Sơn Tinh, Thuỷ Tinh, nhấn mạnh sự dứt khoát, hiệu nghiệm tức thì.  *- Nước ngập ruộng đồng nước tràn nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lềnh bềnh trên một biển nước:* liệt kê những sự vật bị ngập, nhấn mạnh việc nước ngập mọi nơi, lần lượt, tăng tiến (từ xa đến gần, từ ngoài vào trong), qua đó thể hiện sức mạnh, sự tức giận của Thuỷ Tinh. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn có sử dụng phép điệp ngữ.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

*-* GV chuyển giao nhiệm vụ: *Viết đoạn văn (5-7 câu), trong đó có sử dụng phép tu từ điệp ngữ.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Học sinh đọc đoạn văn.

- Lớp lắng nghe, cùng nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Gv nhận xét, bổ sung những điều học sinh băn khoăn, chốt lại kiến thức; hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ngày dạy* | *Lớp 6B: …………………….* |
|  |  | *……………………* |
|  |  | *……………………* |

**Tiết 86- 87- 88**

**VIẾT BÀI VĂN**

**ĐÓNG VAI NHÂN VẬT KỂ LẠI MỘT TRUYỆN CỔ TÍCH**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Yêu cầu của bài vănđóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích.

- Cách viết một bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết được yêu cầu của bài vănđóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích.

+ Biết cách viết một bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích.

+ Viết được bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ, tích cực, tự giác trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, KHBD, máy tính, phiếu học tập.

**2. Học sinh:** SGK, đọc và chuẩn bị trước nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Định hướng đến nội dung trọng tâm của bài học.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng kĩ thuật dạy học nêu vấn đề, đặt câu hỏi, định hướng HS nhiệm vụ trọng tâm của bài học.

- HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu vấn đề:

*+ Các truyện cổ tích vừa học được kể từ ngôi thứ mấy ?*

*+ Trong số các câu chuyện cổ tích mà em đã đọc, em thích nhất nhân vật nào? Vì sao?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS lắng nghe, dự kiến câu trả lời.

- GV định hướng.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Học sinh chia sẻ hiểu biết của cá nhân.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được yêu cầu của bài vănđóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích.

- Biết cách viết một bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích.

**b. Nội dung:**

- GV tổ chức hướng dẫn HS khám phá bài học bằng các PP- KT dạy học nêu vấn đề, hợp tác.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* NV1: HDHS phân tích bài viết tham khảo.**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo và trả lời các câu hỏi:  *+ Vì sao Thạch Sanh lại xưng “ta” mà không xưng “tôi”, “mình”?*  *+ Đoạn nào của bài viết có tác dụng như mở bài? Cách vào bài bằng lời chào, cách đặt câu hỏi, hứa hẹn… có thu hút người đọc không?*  *+ Bài viết kể theo trình tự nào? (GV có thể hướng dẫn HS thống kê các hoạt động chính để tóm tắt lại diễn biến sự kiện) Diễn biến chính của câu chuyện có phù hợp với truyện gốc không?*  *+ Những chi tiết, sự kiện nào được người viết thêm vào?*  *+ Những từ ngữ nào thế hiện nhận xét, đánh giá của người kể chuyện?*  *+ Nhận xét về cách kết thúc bài viết*  *+ HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin, dự kiến câu trả lời.  - HS khai thác SGK, ghi lại kết quả.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi HS trình bày kết quả.  - HS trả lời câu hỏi của GV.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình, chuyển giao nhiệm vụ khác. | **1. Đọc và phân tích bài viết tham khảo**  - Người kể xưng “ta” phù hợp với cách xưng hô của vị vua đứng đầu một nước.  - Đoạn đầu có vai trò như mở bài, cách chào, đặt câu hỏi…thu hút người đọc  - Các chi tiết được sắp xếp theo trình tự thời gian, tập trung vào các chi tiết kì ảo.  - Người viết có thêm vào một số lời kể, chi tiết: đoạn phát hiện và đánh nhau với đại bàng; các bình luận, đánh giá của nhân vật; lời kết;... |
| **\* NV2: HDHS tìm hiểu yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - Từ việc phân tích bài viết tham khảo, GV nêu câu hỏi:  *+ Theo em, khi viết bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích, ta cần phải đảm bảo những yêu cầu nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS dựa trên kết quả đã có ở nhiệm vụ 1, kết hợp khai thác SGK, dự kiến câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức ( màn hình). | **2. Yêu cầu đối với bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện**  - Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất. Người kể chuyện đóng vai một nhân vật trong truyện.  - Khi kể có tưởng tượng, sáng tạo thêm nhưng không thoát li truyện gốc; tránh làm thay đổi, biến dạng các yếu tố cơ bản của cốt truyện ở truyện gốc.  - Cần có sự sắp xếp hợp lí các chi tiết và bảo đảm có sự kết nối giũa các phần. Nên nhấn mạnh, khai thác nhiều hơn các chi tiết tưởng tượng, hư cấu, kì ảo.  - Có thể bổ sung các yểu tố miêu tả, biểu cảm để tả người, tả vật hay thể hiện cảm xúc của nhân vật. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**  Viết được bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng linh hoạt PP- KT dạy học, hướng dẫn HS thực hành theo các bước.

- HS dựa trên sự hướng dẫn của GV, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài viết đã được chỉnh sửa.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* NV1: Trước khi viết**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *+ Xác định mục đích viết bài, người đọc.*  *+ Lập dàn ý cho bài viết theo PHT số 1(màn hình);*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV lưu ý HS: chọn truyện cổ tích để kể và chọn được nhân vật thích hợp để đóng vai.  - HS làm việc cá nhân, hoàn thành nhiệm vụ học tập.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi HS trả lời câu hỏi, trình bày dàn ý bài văn của mình.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá.  **\* NV2. Viết bài và chỉnh sửa bài viết**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV chiếu bảng kiểm, chuyển giao nhiệm vụ:  + Y*êu cầu học sinh viết thành một bài văn hoàn chỉnh ( 1 tiết )*  *+ Hướng dẫn dùng bảng kiểm để kiểm tra, điều chỉnh bài viết của mình lớp dùng bảng kiểm để nhận xét chung 3-5 bài ( 1 tiết).*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân viết bài văn dựa trên gợi ý và bảng kiểm.  - GV lưu ý HS theo mục 2-3/ SGK/45.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi 3-5 HS đọc bài văn.  - Lớp lắng nghe, theo dõi, đánh giá dựa theo bảng kiểm ( màn hình + GV gửi trước cho HS qua zalo lớp).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, hướng dẫn HS chuẩn bị bài: *Nói và nghe: Kể lại một truyện cổ tích bằng lời của một nhân vật.* | **3. Thực hành viết**  **a. Trước khi viết**  - Chọn ngôi kể và đại từ tương ứng  - Chọn lời kể phù hợp  - Ghi lại những nội dung chính của câu chuyện  - Lập dàn ý  **b. Viết bài, chỉnh sửa bài viết**  - Dựa bào dàn ý viết thành một bài văn hoàn chỉnh  - Cần đảm bảo các yêu cầu của bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích. |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mở bài** | - Giới thiệutên nhân vật em định đóng vai:  .................................................................................................................  - Trong truyện:......................................................................................... |
| **Thân bài** | - Xuất thân của nhân vật:………………………………………………  …………………………………………………………………………  - Hoàn cảnh diễn ra câu chuyện:………………………………………  ………………………………………………………………………….  - Diễn biến chính:  + Sự việc 1:..............................................................................................  ..................................................................................................................  + Sự việc 2:..............................................................................................  ..................................................................................................................  + Sự việc 3:..............................................................................................  ..................................................................................................................  + Sự việc 4:..............................................................................................  ................................................................................................................. |
| **Kết bài** | - Kết thúc câu truyện:…………...............................................................  - Bài học rút ra.......................................................................................... |

**BẢNG KIỂM**

**BÀI VIẾT ĐÓNG VAI NHÂN VẬT KỂ LẠI TRUYỆN CỔ TÍCH**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các phần của bài viết** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/ Chưa đạt** |
| **Mở bài** | Giới thiệutên nhân vật em định đóng vai |  |
| Nêu lý do em muốn kể lại truyện |  |
| Dùng ngôi thứ nhất để kể |  |
| **Thân bài** | Giới thiệu xuất thân của nhân vật |  |
| Nêu được hoàn cảnh diễn ra câu chuyện |  |
| Trình bày chi tiết các sự việc xảy ra từ lúc mở đầu cho đến khi kết thúc |  |
| Các sự việc được kể theo trình tự thời gian |  |
| Có sự kết nối giữa các phần |  |
| Có yếu tố miêu tả để tả người, tả vật; yếu tố biểu cảm để thể hiện cảm xúc của nhân vật |  |
| Có sự tưởng tượng, sáng tạo thêm nhưng không thoát li truyện gốc |  |
| Có sự nhất quán trong ngôi kể |  |
| Đảm bảo chính tả và diễn đạt |  |
| **Kết bài** | Nêu được kết thúc truyện |  |
| Nêu được bài học rút ra từ câu chuyện |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ngày dạy* | *Lớp 6B: …………………….* |
|  |  |  |
|  |  |  |

**Tiết 89**

**NÓI VÀ NGHE:**

**KỂ LẠI MỘT TRUYỆN CỔ TÍCH BẰNG LỜI MỘT NHÂN VẬT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Cách kể lại một truyện cổ tích bằng lời một nhân vật.

**2. Về năng lực**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt:

+ Biết đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích, chủ yếu tập trung vào nhân vật, nhập vai một cách thông minh, sáng tạo, biết kể lại câu chuyện vừa sát truyện gốc vừa có sáng tạo.

+ Biết cách nói và nghe phù hợp: người nói đóng vai nhân vật để tự kể lại câu chuyện về mình, thể hiện được khả năng trình diễn một bài tự thuật.

**3. Về phẩm chất**

- Yêu quý, giữ gìn những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, KHBD, máy tính, bảng kiểm

**2. Học sinh:** SGK, chuẩn bị bài theo hướng dẫn.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV sử dụng kĩ thuật dạy học nêu vấn đề, hướng HS đến mục tiêu bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu câu hỏi:

*<?> Em được học/ đọc/ nghe truyện cổ tích nào? Nếu là một nhân vật trong câu chuyện đó,em sẽ kể lại truyện đó bằng cách nào?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS lắng nghe, huy động kiến thức, dự kiến câu trả lời.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV gọi HS chia sẻ cá nhân.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

* GV dẫn dắt vào bài.

**B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

- Biết đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích, chủ yếu tập trung vào nhân vật, nhập vai một cách thông minh, sáng tạo, biết kể lại câu chuyện vừa sát truyện gốc vừa có sáng tạo.

- Biết cách nói và nghe phù hợp: người nói đóng vai nhân vật để tự kể lại câu chuyện về mình, thể hiện được khả năng trình diễn một bài tự thuật.

**b. Nội dung:**

- HS sử dụng SGK, nội dung đã được chuẩn bị để tiến hành theo các bước.

- GV sử dụng SGK, bảng kiểm HDHS hoàn thiện bài nói.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài nói của HS; bảng kiểm đã hoàn thiện.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*NV1:** HDHS chuẩn bị trước khi nói  ( Nhiệm vụ này, GV giao cho HS chuẩn bị trước ở nhà; khi lên lớp, tiến hành nhanh).  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *+ Xác định mục đích nói và người nghe.*  *+ Chuẩn bị nội dung nói:yêu cầu HS đọc lại, nhớ lại truyện cổ tích định kể, những nội dung quan trọng của truyện cổ tích mà khi lể lại không thể bỏ qua.*  *+ Luyện nói theo nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói.*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV quan sát, hướng dẫn HS chuẩn bị.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Các nhóm chuẩn bị nội dung và luyện nói.  - GV tổ chức cho HS chia sẻ những khó khăn, vướng mắc khi luyện nói ở trong nhóm.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá tinh thần làm việc của các nhóm. | **1. Chuẩn bị bài nói**  - Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói  - Luyện tập và trình bày  + Nên đứng trước gương để luyện tập kể lại câu chuyện  + Chú ý sử dụng giọng điệu (cao, thấp, nhanh, chậm, to, nhỏ…) phù hợp với từng nhân vật, sự việc  + Kết hợp nét mặt, cử chỉ khi kể để tăng tính hấp dẫn cho câu chuyện  + Trình bày câu chuyện ngắn gọn, có trật tự rõ ràng, sử dụng các từ ngữ phù hợp với ngôn ngữ nói |
| **\*NV2:** HDHS trình bày bài nói  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ GV gọi 1 số HS trình bày trước lớp, các HS còn lại thực hiện hoạt động nhóm: theo dõi, nhận xét, đánh giá điền vào phiếu.*  *+ GV lưu ý HS tận dụng được lợi thế của giao tiếp trực tiếp bằng lời nói như sử dụng ngữ điệu, cử chỉ, điệu bộ và sự tương tác tích cực với người nghe để tạo nên sự hấp dẫn, sinh động cho bài nói.*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và chuẩn bị nội dung nói ( các nhóm cử đại diện nói tốt nhất để trình bày trước lớp).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm trình bày bài nói.  - GV, HS lắng nghe, đánh giá.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi. | **2. Trình bày bài nói**  - Khi trình bày bài nói cần lưu ý:  + Tùy nhân vật mà có cách trình bày (giọng kể, cử chỉ…) cho phù hợp  + Cố gắng đóng vai nhân vật mà em lựa chọn. Sửu dụng hiệu quả ngôn ngữ cơ thể. Tăng cường tương tác  + Giọng kể thây đổi linh hoạt; cần tập trung vào những sự việc, chi tiết độc đáo, thú vị |
| **\* NV3:** HDHS đánh giá bài nói  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ GV hướng dẫn HS đánh giá bài nói/ phần trình bày của bạn theo bảng kiểm*  *+ Với người nghe: Em thích nhất điều gì trong phần trình bày của bạn? Nếu muốn thay đổi, em muốn thay đổi điều gì trong phần trình bày của bạn?*  *+ Với người nói: Em tâm đắc nhất điều gì trong phần trình bày của mình? Em muốn trao đổi, bảo lưu hay tiếp thu những góp ý của các bạn và thầy cô? Nếu được trình bày lại, em muốn thay đổi điều gì?*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoàn thiện phiếu.  - Gv quan sát, hướng dẫn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV tổ chức hoạt động đánh giá chung.  - HS:  + Yêu cầu người nói kể lại hay làm rõ những chi tiết liên quan đến các sự việc được kể.  + Nêu nhận xét về bài kể ( từ ngữ, giọng kể, độ chính xác về nội dung…)  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  - GV nhận xét, kết luận các yêu cầu của bài nói; yêu cầu HS về nhà:  + Từ nhận xét, góp ý của cô và các bạn, em hãy quay video bài nói của mình (em có thể chèn nhạc phù hợp, kết hợp hình ảnh…)  + Chuẩn bị cho tiết học sau. | **3. Sau khi nói** |

**Bảng kiểm**

**Bảng kiểm bài nói đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/ Chưa đạt** |
| Bài nói có đầy đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. |  |
| Người kể trình bày chi tiết các sự việc sảy ra. |  |
| Các sự việc được kể theo trình tự thời gian. |  |
| Các hành động của nhân vật được kể đầy đủ. |  |
| Người kể dùng ngôi thứ nhất để kể lại câu chuyện. |  |
| Người kể sử dụng các yếu tố kì ảo đã xuất hiện trong truyện cổ tích. |  |
| Người kể có sự sáng tạo trong câu chuyện |  |
| Người kể thể hiện cảm xúc phù hợp với nội dung được kể. |  |
| Người kể tự tin, cử chỉ, điệu bộ hợp lí. |  |
| Người kể sử dụng từ ngữ thích hợp với ngôn ngữ nói khi kể. |  |